TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2026/DS-ST
Ngày 02/01/2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor P

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Phương L và bà Tạ Thị H

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Ng – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Gia Lai tham gia phiên tòa:* Ông Nay S – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Cơ sở 2 Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 110/2025/TLST – DS ngày 11 tháng 6 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS, ngày 05 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn V, sinh năm 1954 và bà Tống Thị Th (đã chết); Địa chỉ: Tổ dân phố 8, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai (Ông Việt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1968 và bà Ngô Thị Th1, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố 8, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai (Đã có đơn xin xét xử vắng mặt)

** Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th gồm*:

+ Ông Ngô Văn V, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ dân phố 8, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai.

+ Bà Ngô Thị L, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ dân phố 3, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai

+ Ông Ngô Thế A, sinh năm 1985; Địa chỉ: 252 Đào Tấn, phường Quy Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai

+ Ông Ngô Văn T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ dân phố 8, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai

+ Bà Ngô Thị G, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ dân phố 2, xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai

(Bà Ngô Thị L, ông Ngô Thế A, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị G đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Vũ Thị Th2, sinh năm 1925; Địa chỉ: Thôn Yên Ninh, xã Lương Thịnh, tỉnh Lào Cai (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn đồng thời là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th là ông Ngô Văn V trình bày: do có quan hệ quen biết với ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th nên vào ngày 07/12/2023 vợ chồng ông có cho ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 vay số tiền 550.000.000 đồng, khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm 03 tháng (tức là đến ngày 08/3/2025) trả gốc và lãi một lần, nếu đến hạn như đã thoả thuận mà ông S, bà Th1 không trả thì vi phạm. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông đã nhiều lần đến và yêu cầu ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 trả cho vợ chồng ông số tiền trên nhưng ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 không chịu trả nên vợ chồng ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng (năm trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết, xét xử sơ thẩm xong vụ án. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tống Thị Th chết vì bị bệnh nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông S, bà Th1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật là 20%/năm kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết, xét xử sơ thẩm xong vụ án.

2. Tại biên bản lấy lời khai của bà Ngô Thị Th1 ngày 22/10/2025 cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 trình bày: ngày 07/12/2023 ông, bà có vay của ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th số tiền là 550.000.000 đồng, khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất là 10.000.000 đồng/ tháng, thời hạn vay là 01 năm 03 tháng phải trả gốc và lãi trong một lần nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền trả cho ông V, bà Th như thoả thuận. Ông, bà công nhận, đồng ý trả cho ông V, bà Th số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng làm nhiều lần trong năm 2026, còn về tiền lãi thì ông, bà xin ông V, bà Th không tính nữa vì không có khả năng trả lãi.

3. Tại bản tự khai ngày 10/9/2025 cũng như trong đơn xin xét xử vắng mặt của những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th là bà Ngô Thị L, ông Ngô Thế A, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị G trình bày: ông, bà là con đẻ của ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th (đã chết) và đã nhận được thông báo của Toà án về việc đưa ông, bà tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng

của bà Tống Thị Th trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th cho ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 vay số tiền là 550.000.000 đồng, về số tiền vay như thế nào thì ông, bà hoàn toàn không biết, không liên quan, không ý kiến hay yêu cầu gì vì đây là số tiền của ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết trả lại cho ông Ngô Văn V theo quy định của pháp luật.

4. Tại bản tự khai ngày 24/10/2025 của người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th là bà Vũ Thị Th2 trình bày: bà là mẹ đẻ của bà Tống Thị Th(đã chết) và đã nhận được thông báo của Toà án về việc đưa bà tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th cho ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 vay số tiền là 550.000.000 đồng, về số tiền vay như thế nào thì bà hoàn toàn không biết, không liên quan, không ý kiến hay yêu cầu gì vì đây là số tiền của ông Ngô Văn V, bà Tống Thị Th nên đề nghị Toà án xem xét giải quyết trả lại cho ông Ngô Văn V theo quy định của pháp luật. Vì tuổi đã cao không đủ sức khoẻ để tham gia phiên toà, bà đề nghị Toà án không triệu bà tham gia các phiên toà sơ thẩm, phúc thẩm (nếu có)

Phát biểu ý kiến sau phần tranh luận, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên toà Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên toà cho đến trước khi nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào chứng cứ là giấy vay tiền ngày 07/12/2023 vợ chồng ông V, bà Th có cho ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 vay số 550.000.000 đồng, khi vay hai bên có thoả thuận lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm 03 tháng phải trả gốc và lãi trong một lần, giấy vay tiền có chữ ký và ghi họ tên người vay là ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 có vay của ông V, bà Th số tiền là 550.000.000 đồng với lãi suất là 10.000.000 đồng/tháng, thời hạn vay là 01 năm 03 tháng phải trả gốc và lãi trong một lần, nhưng khi đến thời hạn thì ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 không trả mặc dù ông V, bà Th đi đòi nhiều lần nên ông V, bà Th khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho ông V, bà Th số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và lãi suất trong hạn và quá hạn là 20%/năm là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 463, Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Ngô Văn V số tiền nợ gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật 20%/năm kể từ ngày vay cho đến khi giải quyết, xét xử sơ thẩm xong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th cư trú tại xã Phú Túc, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân khu vực 12 - Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Tống Thị Th chết vì bị bệnh nên Tòa án đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tống Thị Thanh vào tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng trong vụ án. Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Vũ Thị Th2, bà Ngô Thị L, ông Ngô Thế A, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị G đều đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Vũ Thị Th2 vắng mặt; Còn nguyên đơn đồng thời là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th là ông Ngô Văn V, bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 đều đã được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như trong đơn xin xét xử vắng của các đương sự để quyết định. Các đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn đồng thời là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Tống Thị Th là ông Ngô Văn V khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải cùng liên đới trả số tiền đã vay là 550.000.000 đồng và tính lãi suất trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật là 20%/năm kể từ ngày vay ngày 07/12/2023 cho đến khi giải quyết, xét xử sơ thẩm xong vụ án

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là tờ giấy viết tay bản chính, Tòa án thu thập theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về chứng minh và chứng cứ nên có giá trị để xem xét. Nội dung của tờ giấy là GIẤY VAY TIỀN. Tôi tên: Nguyễn Thái S cùng vợ là: Ngô Thị Th1 hiện ngụ tại Kpố 8 t2 pú Túc-Krông Pa có vay của ông bà: Thanh Việt 550.000 (năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn) lãi suất 1 tháng là: 10.000.000 (mười triệu đồng chẵn) thời hạn vay là: 01 năm 3 tháng trả lãi 1 lần. Nay tôi viết giấy này làm chứng từ. Pú túc ngày 07/12/2023 Nguyễn Thái Sơn đã ký Ngô Thị Thu đã ký". Bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 công nhận nội dung giấy vay tiền trên là chữ ký của ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1; chữ viết là của ông Nguyễn Thái S. Vì vậy chứng cứ nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử khẳng định ngày 07/12/2023 ông V, bà Th có cho ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 vay số tiền là 550.000.000 đồng với lãi suất 10.000.000 đồng/tháng và hẹn 01 năm 03 tháng (tức là đến ngày 08/3/2025) sẽ trả một lần cả gốc và lãi, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 không chịu trả tiền mặc dù ông V, bà Th đến đòi nhiều lần, việc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 không thực hiện việc trả tiền cho ông V, bà Th là vi phạm về nghĩa vụ dân sự đã cam kết được quy định tại các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án và trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 thừa nhận có vay tiền của ông V, bà Th 550.000.000 đồng với lãi suất 10.000.000 đồng/tháng và hẹn 01 năm 03 tháng (tức là đến ngày 08/3/2025) sẽ trả một lần cả gốc và lãi là đúng sự thật. Ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 đồng ý trả tiền gốc 550.000.000 đồng làm nhiều lần trong năm 2026, còn tiền lãi ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 không có khả năng trả nhưng ông V không đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Do vậy cần buộc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải liên đới trả cho ông Ngô Văn V số tiền đã vay là là 550.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn và quá hạn theo quy định của pháp luật là 20%/năm của số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: ngày 07/12/2023 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền là 550.000.000 đồng với lãi suất 10.000.000 đồng/tháng và hẹn 01 năm 03 tháng (tức là đến ngày 08/3/2025) phải trả một lần cả gốc và lãi cho nguyên đơn, đây là quan hệ hợp đồng dân sự vay tiền có lãi và có kỳ hạn quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, khi đến hạn bị đơn không trả nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi là có căn cứ pháp luật. Theo Điều 468 của Bộ luật dân sự quy định trong trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất thỏa thuận không được quá 20%/năm của khoản tiền vay (không được vượt quá 1,66%/tháng) và theo quy định tại Điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự thì khi đến hạn vay bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn

chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi trong hạn và lãi quá hạn 20%/năm (không được vượt quá 1,66%/tháng) của số tiền 550.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Thời gian tính lãi trong hạn là kể từ ngày 07/12/2023 đến ngày 08/3/2025 là 15 tháng. Vậy lãi trong hạn được tính là 550.000.000đ x 1,66% x 15 tháng = 136.950.000 đồng. Về lãi quá hạn được tính là 550.000.000đ x 1,66% x 09 tháng 24 ngày (từ ngày 09/03/2025 đến ngày 02/01/2026) = 89.474.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: 550.000.000đ (tiền gốc) + 136.950.000 đồng (lãi trong hạn) + 89.474.000 đồng (lãi quá hạn) = 776.424.000 đồng.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi đã vay là 776.424.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Tổng giá ngạch của vụ kiện là 776.424.000 đồng. Ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 Thành phải liên đới nộp 20.000.000 đồng + 376.424.000 đồng (phần giá trị tài sản có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng) x 4% = 35.056.960 đồng *(ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Văn V không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Áp dụng các Điều 274, 275, 276, 278, 280, 288, 351, 357, 463; Khoản 1, Khoản 5 Điều 466; Khoản 1 Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Văn V số tiền 550.000.000 đồng (tiền gốc) + 136.950.000 đồng (lãi trong hạn) + 89.474.000 đồng (lãi quá hạn), tổng cộng là 776.424.000 đồng *(bảy trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- *Về án phí:* Buộc ông Nguyễn Thái S, bà Ngô Thị Th1 phải có nghĩa vụ liên đơi nộp 35.056.960 đồng *(ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Ông Ngô Văn Việt không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn, bị đơn và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Thành viên hội đồng xét xử - Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Võ Thị Phương L – Tạ Thị H Ksor P